

NHỮNG HỆ LỤY TỪ CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN BÌNH ĐIỀN ĐẾN CUỘC SỐNG CỦA CỘNG ĐỒNG CƯ DÂN Ở KHU TÁI ĐỊNH CƯ BỒ HÒN, THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ - THỪA THIÊN HUẾ, VẤN ĐỀ ĐẶT RA

*Lê Thị Nguyễn**

TÓM TẮT

Công trình thủy điện xuất hiện có thể nói đã đáp ứng kịp thời cho việc cung cấp điện năng của đất nước, đã phần nào điều tiết nước cho mùa khô và mùa lũ. Để có mặt bằng xây dựng công trình thủy điện, nhiều khu dân cư đã bị giải tỏa, nhiều vùng đất canh tác bị thu hồi và nhiều cộng đồng dân cư phải di dời đến định cư ở những vùng đất mới, được gọi là khu tái định cư (TĐC). Việc giải tỏa, di dời dân cư, Nhà nước đã có những chính sách bồi thường và hỗ trợ đúng đắn. Tuy nhiên, đối với khu TĐC thủy điện Bình Điền ở thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế, do những lý do khác nhau, những chính sách của Nhà nước không được thực hiện đầy đủ, dẫn đến nhiều hệ lụy cho cuộc sống của người dân nơi đây. Bài viết này trình bày thực trạng đời sống nhân dân khu TĐC Bình Điền, qua đó, mong muốn chính quyền địa phương và các bộ ngành Trung ương cần có giải pháp khắc phục những khó khăn cho cư dân khu vực này.

Từ khóa: công trình thủy điện, cuộc sống, khu tái định cư Bồ Hòn, chính sách Nhà nước.

1. Đặt vấn đề

Thừa Thiên Huế là tỉnh có nhiều lợi thế để phát triển hệ thống thủy điện và công trình thủy lợi. Để có mặt bằng xây dựng các nhà máy thủy điện và đập thủy lợi, chính quyền địa phương đã xây dựng các khu TĐC để di dời dân cư đến định cư. Để đảm bảo cuộc sống và quyền lợi của người dân bị di dời, Nhà nước đã có những chính sách quy định về thu hồi đất đai, quy định các vấn đề kinh tế - xã hội ở khu TĐC như: Nghị định 90/1994/NĐ-CP, Nghị định 22/1998/NĐ-CP, Nghị định 197/2004/NĐ-CP, Nghị quyết 26 Hội nghị Ban chấp hành TW Đảng lần thứ VII, khóa IX và một số nghị định bổ sung như Nghị định 84/2007/NĐ-CP, Nghị định 69/2009/NĐ-CP và gần đây là quyết định số 34/QĐ-TTg của Thủ tướng..., tất cả các văn bản đều gắn liền những “Quy định về việc bồi thường, hỗ trợ cho dân TĐC trong các dự án thủy lợi, thủy điện”. Khẳng định chung trong những văn bản này là “phải đảm bảo cuộc sống của người dân sau khi TĐC phải **tốt hơn hoặc bằng nơi ở cũ**”. Tuy nhiên, thực tế cuộc sống của nhân dân ở nhiều khu TĐC là vô cùng khó khăn, tiêu biểu là khu TĐC Bồ Hòn, xã Bình Thành, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Nội dung

2.1. Tình hình đền bù, hỗ trợ cho người dân tái định cư Bồ Hòn, xã Bình Thành

2.1.1. Kinh phí được hỗ trợ và đền bù

Năm 2006 để giải phóng mặt bằng phục vụ cho việc thi công công trình thủy điện Bình Điền, đã có 46 hộ, tương ứng 225 khẩu phải di dời đến khu TĐC ở thôn Bồ Hòn, xã Bình Thành, thị xã Hương Trà. Phần lớn họ là dân tộc thiểu số Catu, từ xã

Hương Nguyên, huyện A Lưới di dời đến cư trú tại đây, chưa được cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, vì thế họ hoàn toàn không được đền bù đất đai mà chỉ đền bù các loại cây trồng trên vùng đất đó, kèm theo tiền hỗ trợ khi di dời và được cấp đất ở khu TĐC. Tùy theo số lượng cây trồng (lò ô, keo, sắn...) để tính tiền đền bù, như nhà bà Hoàng Thị Tư với diện tích 10ha đất trồng cây lò ô, cây keo tại nơi ở cũ được đền bù là 30.000.000đ, có hộ được đền bù đến 100.000.000đ. Còn số tiền hỗ trợ khi di dời đến nơi ở mới thì chỉ trên dưới 1.000.000đ cho mỗi hộ.

2.1.2. Hỗ trợ về lương thực, thực phẩm

Đa số người dân ở đây là dân tộc thiểu số nên hầu hết các hộ khi di dời đến khu TĐC đều được hỗ trợ lương thực nhằm giải quyết cuộc sống tạm thời trước mắt. Số lương thực được hỗ trợ chủ yếu là gạo, mì tôm. Về gạo, số lượng được hỗ trợ thấp nhất là 0,5 kg/người/tháng và số tháng hỗ trợ gồm nhiều loại, 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng hoặc có hộ đến 1 năm, tùy theo hoàn cảnh của mỗi gia đình. Ngoài ra, trong mỗi dịp Tết cổ truyền, mỗi hộ cũng được cấp thêm khoảng 10kg gạo.

2.1.3. Hỗ trợ về giống cây trồng và chăn nuôi

Phần lớn các hộ gia đình khi đến nơi ở mới đều được hỗ trợ các giống cây trồng và vật nuôi từ dự án thủy điện và từ nhiều tổ chức khác như tổ chức NAV, ICCO, chương trình 135... Giống cây trồng chủ yếu là cây ăn quả, như bưởi, thanh trà, quýt, chuối, măng cụt... Trung bình mỗi hộ được nhận từ 10 đến 20 cây con. Tuy nhiên, tỉ lệ số hộ trồng cây không phát triển là 69,6% (cây chết) vì đất quá xấu, thiếu nước tưới. Số hộ còn lại thì cây trồng phát triển cũng rất chậm và đến nay vẫn chưa cho thu hoạch gì đáng kể. Ngoài ra, nhiều hộ còn được hỗ trợ giống cây lò ô, keo và một số giống sắn, nhưng cũng do không có tiền để đầu tư phân bón nên nhìn chung không có hiệu quả. Ngoài điều kiện canh tác không thuận lợi, việc hỗ trợ giống cây trồng do không được tập huấn kỹ thuật nên rất khó có hiệu quả.

Về con giống để chăn nuôi: Qua số mẫu được khảo sát, có 39 hộ được hỗ trợ con giống để chăn nuôi, chủ yếu là gà, vịt, lợn, dê và bò. Trung bình mỗi hộ được cấp trên dưới 10 con gà giống, còn bò thì trung bình 6-8 hộ được cấp chung một con nhưng phần lớn người dân chăn nuôi cũng không có hiệu quả vì không có đủ thức ăn, hơn nữa do đất quá xấu nên không thể trồng rau màu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm được. Ngoài ra rất nhiều gia đình trong quá trình chăn nuôi do bị dịch nên số lượng gia súc gia cầm cứ giảm dần, một số hộ do thiếu thực phẩm nên cũng đã sử dụng làm thức ăn.

2.2. Đánh giá thực trạng cuộc sống của cộng đồng cư dân ở khu TĐC Bò Hòn

2.2.1. Về sinh kế

- Về đất đai: Qua điều tra, khảo sát và phỏng vấn trực tiếp tại khu TĐC Bò Hòn, chúng tôi được biết Ban Quản lý Dự án và UB Thị xã đã cấp cho mỗi hộ 2-3 sào đất, bao gồm cả đất rừng, đất vườn và đất ở. So với khu ở cũ số đất này ít hơn, nhưng đất lại rất xấu, cằn cỗi

- Về việc làm của dân cư khu TĐC Bồ Hòn: làm ruộng kết hợp với chăn nuôi: 42 %; làm nghề tự do: 35.33%; học sinh – sinh viên: 17.34%; nội trợ: 3.33%; thợ may: 0.67%; thợ nề: 1.33%.

Theo cơ cấu trên, phần lớn người dân nơi đây chủ yếu làm ruộng, 42%, nhưng diện tích đất ruộng thực tế không được cấp mà chủ yếu người dân tự cải tạo từ đất ở, đất thung lũng để trồng lúa nên quy mô diện tích đất trồng lúa không nhiều, trung bình mỗi hộ có diện tích trồng lúa chỉ chiếm khoảng 200-300m². Số dân làm nghề tự do vẫn chiếm tỉ lệ cao, 35.33%, phổ biến nhất là công việc chặt và bóc vỏ cây trầm (tiếng địa phương gọi là đi làm “te”). Thu nhập mỗi ngày đi làm “te” là từ 80.000 – 150.000đ, nhưng trung bình mỗi tháng chỉ làm được khoảng 7 đến 10 ngày. Thêm vào đó là việc tìm kiếm việc làm ở khu TĐC rất khó so với nơi ở cũ. Do vậy, tình trạng thanh niên phải đi làm xa đang dần dần phổ biến. Điều này dẫn đến hiện tượng “chỉ có người già và trẻ em” ở lại khu TĐC, nên nếu xảy ra sự cố gì cần đến lực lượng thanh niên thì rất khó huy động.

2.2.2. Những hệ lụy về văn hóa, sinh hoạt cộng đồng

Sự thay đổi nơi định cư rõ ràng sẽ ảnh hưởng đến những hoạt động cộng đồng, đặc biệt những phong tục tập quán của dân tộc thiểu số ít nhiều cũng bị tác động.

Qua khảo sát 48 hộ, khoảng 50% số hộ được phỏng vấn cho rằng việc tổ chức lễ hội truyền thống ở khu TĐC là thuận lợi hơn nơi ở cũ. Thuận lợi hơn nhờ có cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện, nên việc đi lại được dễ dàng, tạo điều kiện cho việc mua sắm các lễ vật được nhanh hơn và đầy đủ hơn. Có khoảng 45% ý kiến cho rằng ở khu TĐC việc tổ chức lễ hội lại khó khăn hơn, nguyên nhân do không có tiền đã làm hạn chế việc mua sắm lễ vật và chỉ 4.17% ý kiến cho là không có thay đổi so với nơi ở cũ. Cụ thể:

+ Việc tổ chức lễ hội ở khu TĐC thuận lợi hơn nơi ở cũ: 50%

+ Bình thường: 4.17%

+ Khó khăn hơn: 45,83%

Tuy cuộc sống không được như ý muốn và đời sống không được nâng cao so với nơi ở cũ, nhưng người dân trong thôn vẫn cố gắng duy trì các hoạt động truyền thống, như cúng lễ đầu năm (phải cố gắng cúng một con heo 80-100kg), còn cúng Làng thì 10 – 15 năm mới tổ chức một lần. Cũng do kinh phí của Làng hạn hẹp và tầng lớp thanh niên ngày nay chạy theo lối sống mới nên một số lễ hội hiện nay không được duy trì như lễ hội “Đâm trâu”, “Chọi gà”.

2.2.3. Những hệ lụy đến các vấn đề xã hội khác

- Về khả năng tiếp cận các dịch vụ văn hóa

Các dịch vụ văn hóa như quầy internet, karaoke, quán cà phê, khu vui chơi trẻ em, nhà sinh hoạt cộng đồng..., trong đó dịch vụ quán cà phê là loại hình phổ biến nhất. Kết quả khảo sát về khả năng tiếp cận các dịch vụ văn hóa ở khu TĐC so với nơi ở cũ như sau:

+ Tiếp cận tốt hơn nơi ở cũ: 45.83%

+ Bình thường: 35.42%

+ Khó khăn hơn: 14.58%

Số ý kiến cho là “khó khăn hơn” thường rơi vào các hộ quá nghèo nên họ không có tiền để tiếp cận các dịch vụ đó.

- Những vấn đề liên quan đến giáo dục

+ Về cơ cấu trình độ học vấn (>15 tuổi): Qua khảo sát thực tế, cơ cấu trình độ học vấn của người dân thuộc độ tuổi lao động ở khu TĐC Bò Hòn như sau:

Bảng 2. Tỷ lệ cơ cấu dân số theo trình độ học vấn

STT	Trình độ học vấn	Tỷ lệ % so với (L)
1	Mù chữ	37.38
2	Biết chữ (chỉ lớp 1, 2)	22.00
3	Tiểu học	30.66
4	Trung học cơ sở	05.30
5	Trung học phổ thông	02.66
6	CD - THCN – Đại học	02.00

Toàn thôn chỉ có 04 người có trình độ học vấn ở bậc cao đẳng, trung cấp và đại học. Tỷ lệ mù chữ chiếm rất cao, 37.38%, bậc tiểu học cũng chiếm đến 30.66%. Còn trình độ ở bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông rất thấp, chỉ 2.66 và 2.00%.

+ Theo ông Thương, Trưởng thôn: "Trong thôn có nhà mẫu giáo nhưng những năm qua bị hư nên các cháu phải qua thôn khác học. Năm học 2012 đã được sửa và xây nhà vệ sinh nhờ dự án 135 và lớp bắt đầu hoạt động trở lại" Tuy nhiên với giá học phí 200.000đ/ cháu/ tháng thì đối với nhiều gia đình nơi đây là quá nhiều tiền, nên không phải gia đình nào cũng cho con em đi học mẫu giáo được." Tính đến giữa tháng 10 năm 2012 chỉ có 7 cháu theo học lớp mẫu giáo.

+ Trong thôn có 1 trường cấp 1, nhưng chỉ 2 phòng vì thế mỗi phòng phải dạy ghép 2 lớp, nghĩa là có 2 bảng viết đôi đầu nhau, lớp 1 ghép với lớp 3, lớp 2 ghép với lớp 4, còn học sinh lớp 5 qua thôn khác học.

+ Tỷ lệ học sinh đến trường khoảng 75%

+ Hầu hết các giáo viên không biết tiếng dân tộc nên đã hạn chế rất nhiều trong quá trình giảng dạy, truyền đạt kiến thức cho học sinh.

- Những tác động đến sức khỏe

+ Nhìn chung ở khu TĐC Bò Hòn điều kiện chăm sóc sức khỏe có nhiều thuận lợi hơn so với nơi ở cũ, như khoảng cách từ nhà đến trạm xá gần hơn, chất lượng trạm xá tốt; tình hình tiêm chủng cho trẻ tốt hơn, tình trạng xuất hiện các dịch bệnh có phần giảm xuống...

+ “Toàn bộ người dân ở khu TĐC sẽ được dự án 135 hỗ trợ cấp miễn phí thẻ bảo hiểm y tế” Theo như lời của ông Trưởng thôn báo cáo. Tuy nhiên, tính đến cuối tháng 10 năm 2012 vẫn có nhiều hộ không được cấp thẻ bảo hiểm, điều này đã dẫn đến sự bức xúc cho các gia đình.

Tuy được cấp thẻ bảo hiểm y tế, nhưng do mức thu nhập thấp nên họ vẫn lo lắng, vì nếu ốm đau thì chắc chắn không đủ tiền để chi thêm cho việc điều trị.

- Tình hình nhà ở, đường sá, điện, nước

+ Về hệ thống điện, đường giao thông: Nhìn chung hiện nay hệ thống điện đã được cấp đầy đủ, đường sá thuận tiện cho bà con đi lại. Đường đã được bê tông hóa, có xây cầu “chống lụt” nên bà con có phần hơi yên tâm đi lại trong mùa mưa lụt.

+ Nước sinh hoạt: Trong thôn hiện chưa có nước máy sạch, chủ yếu là nước tự chảy. Vì thế nước hay bị nhiễm bẩn bởi thuốc trừ sâu phun cho hàng ngàn ha rừng trồng đầu nguồn, ngoài ra ở phía đầu nguồn do người dân chăn thả trâu, bò tằm nên chắc chắn nguồn nước không đảm bảo vệ sinh cho việc sử dụng trong sinh hoạt, nhất là vào mùa hè nước càng đục và hôi. Đến nay trong Thôn vẫn chưa có quyết định về kế hoạch xây dựng đường ống nước máy để phục vụ cho bà con vì yêu cầu dân phải đóng 50% chi phí đường ống và giá nước khi sử dụng là từ 3500 – 4000 đồng/ m³. Với mức giá này là hơi cao so với thu nhập của người dân nơi đây.

+ Về nhà ở:

Về kiến trúc nhà ở: Nhìn chung mọi người dân trong thôn đều có nhà ở (cấp 4) được xây dựng như nhau về kiến trúc (nhà trệt) và diện tích trung bình mỗi căn là 120m². Tuy nhiên do kiến trúc giống nhau nên thời gian đầu thường hay xảy ra tình trạng “vào nhầm nhà” rất là phiền phức. Phần lớn bà con đều không hài lòng về “kiến trúc nhà của người Kinh”, người dân vẫn thích sinh hoạt trong ngôi nhà sàn. Kiến trúc “nhà trệt tập thể” thật sự đã đánh mất nét văn hóa cổ truyền rất riêng của dân tộc thiểu số vùng cao.

Về chất lượng nhà thì đến nay hầu như tất cả các ngôi nhà đã bị xuống cấp trầm trọng, mưa “một trận là ướt nhà hết”, vì tường nhà bị thấm, mái bị dột, nhiều cánh cửa đã bị hỏng. “Mỗi lần thấy mưa bão đến là tui sống trong sự lo sợ, đêm không ngủ được vì không biết nhà mình sập lúc mô đây”, đây là lời tâm sự của bà Hoàng Thị Tư.

Theo ý kiến của lãnh đạo địa phương: “Việc xây dựng nhà cửa sẽ được Dự án trang bị ban đầu, còn khi nhà bị hỏng theo thời gian thì người dân phải bỏ tiền ra để sửa chữa!”. Dĩ nhiên ai cũng muốn sửa nhà mình cho khang trang, ấm cúng... nhưng “ăn không có mà tiền mà ăn thì lấy đâu mà sửa nhà!”

3. Kết luận

Kết quả đánh giá chung cho thấy cộng đồng cư dân khu TĐC thủy điện Bình Điền ở thị xã Hương Trà đang bị rơi vào tình trạng thiếu việc làm, đất sản xuất vừa quá thiếu vừa quá xấu, thiếu nước cho cả sinh hoạt và canh tác, nghĩa là điều kiện sinh kế không bảo đảm. Các giá trị văn hóa dân tộc đang nguy cơ bị mai một dần, đời sống tinh thần ngàn đời của họ đang dần bị khuất lấp bởi sự tất trách của các chủ đầu tư và cuối cùng là nguy cơ bị lờ hóa khỏi quá trình phát triển... Những bất cập này không chỉ là hiện tượng đơn lẻ ở một vài khu TĐC thủy điện - thủy lợi ở thị xã Hương Trà mà là tình trạng phổ biến chung của hầu hết các dự án di dân Với số tiền được đền bù từ số cây

trông trên vùng đất bị giải tỏa vài chục triệu là một số tiền không nhỏ đối với nhiều gia đình nghèo, nhưng do không biết cách tính toán làm ăn, không có sự hướng dẫn cách sử dụng đồng tiền sao cho có hiệu quả nên “tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống”, nghèo khổ vẫn hoàn lại nghèo khổ.

Đã đến lúc cần phải đóng lên những hồi chuông báo động về thực trạng cuộc sống của cư dân ở các khu TĐC thủy điện - thủy lợi để các cơ quan có liên quan, các nhà quản lý, các chủ đầu tư cần phải có trách nhiệm triển khai và thực hiện các chính sách TĐC nhằm đảm bảo sự công bằng xã hội và cuộc sống của người dân bị di dời như chủ trương của Nhà nước đã đề ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đình Hòa (2001), *Dân số - Định cư - Môi trường*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [2] Lê Thị Nguyễn (2002), *Phân tích chất lượng cuộc sống của dân nghèo đô thị ở các vùng bao quanh Kinh thành Huế*, Đề tài cấp Bộ, Đại học Huế.
- [3] Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thừa Thiên Huế (2002), *Báo cáo chuyên đề Nhóm cư dân dễ bị thiệt thòi do ảnh hưởng bởi công trình hồ chứa nước Tả Trạch*, Huế.
- [4] Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế (2010), *Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp đảm bảo ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân vùng di dân, Tái định cư*, Bản tin Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế, trang 6-7.
- [5] Viện Nghiên cứu kinh tế và phát triển (2009), *Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân vùng di dân, tái định cư thuộc các dự án thủy lợi, thủy điện ở Thừa Thiên Huế*, Báo cáo tóm tắt kết quả đề tài, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân – Hà Nội.

IMPLICATIONS OF BINH DIEN HYDROPOWER FOT LIFE OF THE COMMUNITIES IN BO HON RESETTLEMENT AREA, HUONG TRA TOWN, THUA THIEN HUE PROVINCE – QUESTIONS

Le Thị Nguyễn

University of Science, University of Hue

ABSTRACT

Hydropower construction is said to have met the power supply of the country in time, partly regulating water for the dry season and the flood season. However, to have space for construction, many residential areas have been cleared away; more arable land is recovered and many communities have moved to settle down in new areas, called resettlement zones.

As for the clearance and resettlement, the State has passed the proper policies on compensation and subsidies. Yet, in the Binh Dien hydropower resettlement area in Huong Tra Town, Thua Thien Hue Province, these policies have not been carried out sufficiently, causing implications for life there. Therefore, this article shows the reality of people's life in Binh Dien resettlement area to call upon the local government and central organs to have solutions to the difficulties people in this area are having.

Key words: Hydropower construction, life, Bo Hon resettlement area, State policies

* Lê Thị Nguyễn, Trưởng Bộ môn Địa lý Tài nguyên và Môi trường, Khoa Địa lý – Địa chất, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Điện thoại 0905118270, Email: nguyenhueuni@gmail.com.